

**TỔNG CÔNG TY THÀNH AN  
CÔNG TY CP XL THÀNH AN 96**

Số: 139/TB-CT96

"V/v CBTT báo cáo tài chính  
đã kiểm toán năm 2016"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 04 năm 2017

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;**

1. Tên công ty: **Công ty CP xây lắp Thành An 96**
  2. Mã chứng khoán : TA9
  3. Địa chỉ : 02 Nguyễn Văn Trỗi – P.Hòa Thuận Đông – Q.Hải Châu – TP.Đà Nẵng.
  4. Điện thoại: 0236.3615333 Fax: 0236.3615335
  5. Người thực hiện công bố thông tin: **Hoàng Đức Trúc**
  6. Nội dung thông tin công bố:
    - a) Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016 của Công ty CP xây lắp Thành An 96 (tổng hợp) được lập ngày 27/03/2017 bao gồm: Bảng CĐKT, Báo cáo KQKD, Báo cáo LCTT, Thuyết minh BCTC. Giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế.
    - b) Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016 của Công ty CP xây lắp Thành An 96 ( Cơ quan công ty) được lập ngày 27/03/2017 bao gồm: Bảng CĐKT, Báo cáo KQKD, Báo cáo LCTT, Thuyết minh BCTC. Giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế
  7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: [www.thanh96.vn](http://www.thanh96.vn)
- Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

*Tài liệu kèm theo: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016 + Công văn giải trình Lợi nhuận sau thuế*

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VT, TC.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**GIÁM ĐỐC  
HOÀNG ĐỨC TRÚC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÀNH AN 96**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

---

MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 29

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty Xây lắp 96 trực thuộc Tổng Công ty Thành An (Bình đoàn 11), được chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số 3073/QĐ-BQP ngày 25 tháng 10 năm 2007 của Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0400100545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09 tháng 01 năm 2008, thay đổi Đăng ký kinh doanh các lần và lần thứ tám (08) ngày 01 tháng 06 năm 2016.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Thanh An 96 Installation and Construction Joint Stock Company, tên viết tắt là: Continta 96 Jsc.

Trụ sở chính của Công ty: Số 02 Nguyễn Văn Trỗi, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Công ty có các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc như sau:

- Xí nghiệp Xây lắp 33: Tổ 5, Khánh Sơn, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.
- Xí nghiệp Xây lắp 54: Số 88 Nguyễn Chánh, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.
- Xí nghiệp Xây lắp 74: Số 96B Trần Phú, phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Xí nghiệp Xây lắp 79: Số 273, ngõ 35 Khương Hạ, Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
- Chi nhánh Quảng Trị: Số 34 Nguyễn Du, phường 5, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
- Chi nhánh Hà Nội: Số 86A ngách 358/25 Bùi Xương Trạch, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
- Chi nhánh Đà Nẵng: Số 88 Nguyễn Chánh, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.
- Chi nhánh Khánh Hòa: số 21A Hòn Chồng, phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: TA9.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng quản trị</b>	Ông Võ Cửu Long	Chủ tịch (Từ nhiệm ngày 09/01/2017)
	Ông Nguyễn Ngọc Huệ	Chủ tịch (Đỗ nhiệm ngày 09/01/2017)
	Ông Phạm Văn Lê	Phó Chủ tịch (Bỏ nhiệm ngày 09/01/2017)
	Ông Võ Cửu Long	Ủy viên (Từ ngày 09/01/2017)
	Ông Hoàng Đức Trúc	Ủy viên
	Bà Trịnh Thị Thu Hương	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Hoàng Đức Trúc	Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Huệ	Phó Giám đốc
	Ông Phạm Văn Lê	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Khắc Xuyên	Phó Giám đốc
	Ông Phạm Hữu Trung	Phó Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 06/7/2016)
	Ông Đặng Đình Khiêm	Phó Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 17/02/2017)

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Hoàng Đức Trúc**

**Giám đốc**

*Đà Nẵng, ngày 27 tháng 3 năm 2017*

Số: 266/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96

**Kính gửi:** **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96, được lập ngày 27/3/2017, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



---

**Đinh Văn Thắng****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2015-137-1

*Giấy Ủy quyền số: 16/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT*

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hàng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens***Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2017*

---

**Nguyễn Thị Mai Hoa****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2015-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.373.378.122.620</b>	<b>966.497.639.615</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>245.041.166.771</b>	<b>121.643.027.583</b>
1. Tiền	111		159.038.652.071	120.740.512.883
2. Các khoản tương đương tiền	112		86.002.514.700	902.514.700
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>905.585.511.460</b>	<b>727.302.109.313</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	762.127.345.399	660.432.835.008
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.2	93.087.358.764	26.562.430.220
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	5.3	14.247.060.642	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	12.000.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	28.822.569.211	44.046.969.072
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.698.822.556)	(3.740.124.987)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>222.751.444.389</b>	<b>96.417.555.803</b>
1. Hàng tồn kho	141		222.751.444.389	96.417.555.803
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>21.134.946.916</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	-	1.838.943.152
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	-	19.296.003.764
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>151.226.840.531</b>	<b>150.684.808.595</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>131.731.025.703</b>	<b>134.070.816.807</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	125.212.315.183	130.956.531.094
- Nguyên giá	222		264.328.163.961	226.953.173.525
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(139.115.848.478)	(95.996.642.431)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	6.518.710.220	3.114.285.713
- Nguyên giá	228		8.455.853.078	4.430.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.937.142.858)	(1.315.714.287)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>19.495.814.828</b>	<b>16.613.991.788</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	19.495.814.828	16.613.991.788
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.524.604.963.151</b>	<b>1.117.182.448.210</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.377.852.913.796</b>	<b>1.006.392.616.564</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.348.331.842.365</b>	<b>961.195.552.536</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	471.348.596.608	440.682.238.543
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	681.244.999.854	426.277.521.349
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	15.213.962.965	7.973.985.233
4. Phải trả người lao động	314		21.849.129.211	17.911.253.321
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	3.716.674.089
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	12.117.032.722	6.821.869.712
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	142.569.443.189	53.537.261.253
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.988.677.816	4.274.749.036
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>29.521.071.431</b>	<b>45.197.064.028</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.12	22.900.071.431	45.197.064.028
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	6.621.000.000	-
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410)	<b>400</b>		<b>146.752.049.355</b>	<b>110.789.831.646</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.14</b>	<b>146.752.049.355</b>	<b>110.789.831.646</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		110.498.100.000	81.851.650.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		110.498.100.000	81.851.650.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.629.424.355	8.475.269.146
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.624.525.000	20.462.912.500
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		-	-
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		27.624.525.000	20.462.912.500
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>1.524.604.963.151</b>	<b>1.117.182.448.210</b>

Người lập



Trần Thị Diệu Thúy

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Thu Hương

Dà Nẵng, ngày 27 tháng 3 năm 2017

Giám đốc



Hoàng Đức Trúc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	2.695.993.447.191	2.341.633.388.408
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		2.695.993.447.191	2.341.633.388.408
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	2.537.865.708.097	2.217.139.769.546
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>158.127.739.094</b>	<b>124.493.618.862</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	2.738.861.069	636.324.110
7. Chi phí tài chính	22	5.18	7.170.671.485	9.804.407.634
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.170.671.485	9.804.407.634
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		104.451.564.541	75.508.925.004
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21-22) - (25 + 26))</b>	<b>30</b>		<b>49.244.364.137</b>	<b>39.816.610.334</b>
11. Thu nhập khác	31	5.19	4.257.251.006	5.575.880.203
12. Chi phí khác	32	5.19	1.388.523.213	2.527.873.315
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>2.868.727.793</b>	<b>3.048.006.888</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>52.113.091.930</b>	<b>42.864.617.222</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.21	10.422.618.386	9.535.688.911
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>41.690.473.544</b>	<b>33.328.928.311</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.22	3.568	4.503

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 3 năm 2017  
 Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng





**Trần Thị Diệu Thúy**

**Trịnh Thị Thu Hương**

**Hoàng Đức Trúc**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		52.113.091.930	42.864.617.222
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		43.740.634.618	35.447.382.409
- Các khoản dự phòng	03		958.697.569	1.530.647.987
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.738.861.069)	(1.778.477.550)
- Chi phí lãi vay	06		7.170.671.485	(9.804.407.634)
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		101.244.234.533	68.259.762.434
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(64.070.702.921)	(299.338.566.984)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(126.333.888.586)	(32.016.235.823)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		268.440.577.723	363.505.050.592
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.042.879.888)	(396.120.629)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13			-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7.170.671.485)	(9.804.407.634)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.717.298.538)	(6.968.583.632)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.058.490.104	1.418.170.910
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(6.367.798.045)	(1.901.325.619)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		156.040.062.897	82.757.743.615
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(33.933.966.714)	(85.839.127.567)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	2.094.145.454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(432.700.000.000)	(30.902.514.700)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		335.600.000.000	30.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.738.861.069	636.324.110
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(128.295.105.645)	(84.011.172.703)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		856.485.788.853	668.297.571.006
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(760.832.606.917)	(632.843.609.753)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		95.653.181.936	35.453.961.253
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	50		123.398.139.188	34.200.532.165
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		121.643.027.583	87.442.495.418
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		245.041.166.771	121.643.027.583

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 3 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng





**Trần Thị Diệu Thúy**

**Trịnh Thị Thu Hương**

**Hoàng Đức Trúc**

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty Xây lắp 96 trực thuộc Tổng Công ty Thành An (Binh đoàn 11), được chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số 3073/QĐ-BQP ngày 25 tháng 10 năm 2007 của Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0400100545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09 tháng 01 năm 2008, thay đổi Đăng ký kinh doanh các lần và lần thứ tám (08) ngày 01 tháng 06 năm 2016.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Thanh An 96 Installation and Construction Joint Stock Company, tên viết tắt là: Continta 96 Jsc.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 08 (tám) là: 110.498.100.000 đồng (Một trăm mười tỷ, bốn trăm chín tám triệu, một trăm nghìn đồng), tương đương 11.049.810 cổ phần.

Sở hữu vốn:

<b>Cổ đông</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>VND</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
Tổng Công ty Thành An - Công ty TNHH MTV	5.635.564	56.355.640.000	51%
Các Cổ đông khác	5.414.246	54.142.460.000	49%
<b>Cộng</b>	<b>11.049.810</b>	<b>110.498.100.000</b>	<b>100%</b>

Trụ sở chính: Số 02 Nguyễn Văn Trỗi, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

Số lao động bình quân trong năm: 5.786 người.

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Xây dựng nhà các loại; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra và phân tích kỹ thuật, kiểm định thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm định xây dựng; Khai thác gỗ; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Chuẩn bị mặt bằng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Cho thuê xe có động cơ; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Cung ứng lao động tạm thời; Vệ sinh chung nhà cửa; Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác; Khai thác lâm sản khác trừ gỗ; Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ đồ uống; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng-công nghiệp-giao thông(đường bộ); Đại lý du lịch; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; Giáo dục nghề nghiệp; Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Hoạt động thiết kế chuyên dụng (chi tiết: hoạt động trang trí nội thất); Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú; Dịch vụ tắm hơi, matxa và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao), chi tiết là hoạt động tắm hơi, matxa; Địa điểm sản xuất, khai thác, sửa chữa, cưa xẻ gỗ ngoài địa bàn thành phố Đà Nẵng /.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Thi công xây lắp các công trình.

**1.3. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Xí nghiệp Xây lắp 33: Tổ 5, Khánh Sơn, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.
- Xí nghiệp Xây lắp 54: Số 88 Nguyễn Chánh, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.
- Xí nghiệp Xây lắp 74: Số 96B Trần Phú, phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Xí nghiệp Xây lắp 79: Số 273, ngõ 35 Khương Hạ, Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
- Chi nhánh Quảng Trị: Số 34 Nguyễn Du, phường 5, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
- Chi nhánh Hà Nội: Số 86A ngách 358/25 Bùi Xương Trạch, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
- Chi nhánh Đà Nẵng: Số 88 Nguyễn Chánh, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.
- Chi nhánh Khánh Hòa: số 21A Hòn Chồng, phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

##### **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

##### Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

##### **Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

**a. Nguyên tắc kế toán****Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là Quyền khai thác tại mỏ đá Suối Mơ và Phần mềm kế toán máy được Công ty khấu hao theo đường thẳng trong thời gian lần lượt là 07 năm và 04 năm. Quyền sử dụng 3.775 m<sup>2</sup> đất tại Núi Thành, Quảng Nam và 156 m<sup>2</sup> đất sử dụng lâu dài tại địa chỉ 221-ĐIII đường số III, khu phố 6, phường Phước Long B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Năm 2016</b> <b>(Số năm)</b>
Nhà, xưởng và vật kiến trúc	08 - 30
Máy móc và thiết bị	04 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị văn phòng	04 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 10

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 02 đến 03 năm.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ;

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 02 trường hợp sau:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- (ii) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư,...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

##### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### Công cụ tài chính

###### Ghi nhận ban đầu

###### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay.

###### Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay.

###### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh xây lắp trên khắp các địa bàn nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	2.857.059.372	4.158.093.777
Tiền gửi ngân hàng	156.181.592.699	116.582.419.106
Các khoản tương đương tiền	86.002.514.700	902.514.700
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng	86.002.514.700	902.514.700
<b>Tổng</b>	<b>245.041.166.771</b>	<b>121.643.027.583</b>

**5.2 Phải thu khách hàng và trả trước cho người bán**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>762.127.345.399</b>	<b>660.432.835.008</b>
Xây dựng công trình TS01 gói 12	-	80.000.680.000
Các khách hàng khác	762.127.345.399	580.432.155.008
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>93.087.358.764</b>	<b>26.562.430.220</b>
<b>Tổng</b>	<b>855.214.704.163</b>	<b>686.995.265.228</b>

Tại thời điểm cuối năm, không có khoản phải thu của đối tượng khách hàng nào có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị khoản phải thu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THÀNH AN 96**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.3 Phải thu nội bộ**

Khoản phải thu nội bộ đối với Tổng Công ty Thành An

**5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ban quản lý 11S	10.000.000.000	-
Công ty cổ phần 386	2.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>-</b>

**5.5 Phải thu khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>28.822.569.211</b>	-	<b>44.046.969.072</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	318.750.750	-	1.023.769.864	-
- Tạm ứng	28.070.873.503	-	37.900.388.630	-
- Phải thu khác	432.944.958	-	5.122.810.578	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>28.822.569.211</b>	-	<b>44.046.969.072</b>	-

*Đơn vị tính: VND***5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	20.300.636.555	-	19.402.271.115	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SX KDDD	202.450.807.834	-	77.015.284.688	-
<b>Tổng</b>	<b>222.751.444.389</b>	-	<b>96.417.555.803</b>	-

*Đơn vị tính: VND***5.7 Chi phí trả trước**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	-	<b>1.838.943.152</b>
Chi phí thí nghiệm	-	223.645.607
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	74.195.194
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	1.541.102.351
<b>Dài hạn</b>	<b>19.495.814.828</b>	<b>16.613.991.788</b>
Chi phí CCDC, máy thi công	11.690.020.792	12.414.219.315
Chi phí sửa chữa, máy thi công	5.012.942.918	2.286.664.261
Đồ dùng văn phòng	728.524.451	1.004.017.303
Chi phí tư vấn, khác	2.064.326.667	909.090.909
<b>Tổng</b>	<b>19.495.814.828</b>	<b>18.452.934.940</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THÀNH AN 96**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình***Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2016	22.087.783.790	122.138.410.496	82.028.052.984	698.926.255	226.953.173.525
Tăng trong năm	5.986.273.637	11.659.006.181	19.617.565.163	112.145.455	37.374.990.436
Mua trong năm	1.550.000.000	11.659.006.181	19.617.565.163	112.145.455	32.938.716.799
Đầu tư XDCB hoàn thành	4.436.273.637	-	-	-	4.436.273.637
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>28.074.057.427</b>	<b>133.797.416.677</b>	<b>101.645.618.147</b>	<b>811.071.710</b>	<b>264.328.163.961</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2016	5.800.332.456	52.646.128.534	37.140.678.648	409.502.793	95.996.642.431
Tăng trong năm	1.766.853.874	26.501.324.501	14.686.869.726	164.157.946	43.119.206.047
Khấu hao trong năm	1.766.853.874	26.501.324.501	14.686.869.726	164.157.946	43.119.206.047
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>7.567.186.330</b>	<b>79.147.453.035</b>	<b>51.827.548.374</b>	<b>573.660.739</b>	<b>139.115.848.478</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2016	16.287.451.334	69.492.281.962	44.887.374.336	289.423.462	130.956.531.094
Tại 31/12/2016	20.506.871.097	54.649.963.642	49.818.069.773	237.410.971	125.212.315.483

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố các khoản vay:  
 Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

27.327.529.337  
 40.819.521.812

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THÀNH AN 96**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.9 Tài sản cố định vô hình***Đơn vị tính: VND*

	Quyền khai thác mỏ đá	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2016	4.000.000.000	400.000.000	30.000.000	4.430.000.000
Tăng trong năm	-	3.911.075.300	114.777.778	4.025.853.078
Mua trong năm	-	3.911.075.300	114.777.778	4.025.853.078
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.311.075.300</b>	<b>144.777.778</b>	<b>8.455.853.078</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 01/01/2016	1.285.714.287	-	30.000.000	1.315.714.287
Tăng trong năm	571.428.571	50.000.000	-	621.428.571
Khấu hao trong năm	571.428.571	50.000.000	-	621.428.571
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>1.857.142.858</b>	<b>50.000.000</b>	<b>30.000.000</b>	<b>1.937.142.858</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2016	2.714.285.713	400.000.000	-	3.114.285.713
Tại 31/12/2016	2.142.857.142	4.261.075.300	114.777.778	6.518.710.220

Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm 3.775 m2 đất rừng sản xuất tại Hồ Lá, thôn Đông Yên, xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, thời gian sử dụng đất đến tháng 11/2060 và 156 m2 đất sử dụng lâu dài tại địa chỉ 221-ĐIII đường số III, khu phố 6, phường Phước Long B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

**5.10 Phải trả người bán và người mua trả tiền trước ngắn hạn***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.152.593.596.462</b>	<b>1.152.593.596.462</b>	<b>866.959.759.892</b>	<b>866.959.759.892</b>
Phải trả người bán				
Các khách hàng phải trả lớn	-	-	-	-
Các khách hàng khác	471.348.596.608	471.348.596.608	440.682.238.543	440.682.238.543
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Các khách hàng phải trả lớn	-	-	-	-
Các khách hàng khác	681.244.999.854	681.244.999.854	426.277.521.349	426.277.521.349
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>1.152.593.596.462</b>	<b>1.152.593.596.462</b>	<b>866.959.759.892</b>	<b>866.959.759.892</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÀNH AN 96**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước***Đơn vị tính: VND*

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
<b>Phải nộp</b>	<b>7.973.985.233</b>	<b>71.165.761.075</b>	<b>63.925.783.343</b>	<b>15.213.962.965</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	57.579.322.053	50.302.932.875	7.276.389.178
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.957.080.789	10.422.618.386	10.236.886.393	7.142.812.782
Thuế thu nhập cá nhân	977.648.487	2.986.954.703	3.169.842.185	794.761.005
Thuế tài nguyên				-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	165.865.933	165.865.933	-
Thuế khác	-	11.000.000	11.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	39.255.957	-	39.255.957	-
<b>Phải thu</b>	<b>19.296.003.764</b>	<b>19.296.003.764</b>	-	-
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	19.296.003.764	19.296.003.764	-	-

**5.12 Phải trả khác**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>12.117.032.722</b>	<b>6.821.869.712</b>
Kinh phí công đoàn	461.319.554	176.029.453
Bảo hiểm xã hội	138.681.961	3.343.608
Bảo hiểm y tế	5.194.056	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.500.449.729	6.631.659.605
<i>Phải trả cổ tức</i>	<i>6.000.000</i>	<i>6.000.000</i>
<i>Phải trả tiền thuê đất</i>	<i>642.795.000</i>	<i>1.111.108.000</i>
<i>Trả trước tiền thuê mỏ đá Suối Mơ</i>	<i>-</i>	<i>1.000.000.000</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>10.851.654.729</i>	<i>4.514.551.605</i>
Bảo hiểm thất nghiệp	11.387.422	10.837.046
<b>Dài hạn</b>	<b>22.900.071.431</b>	<b>45.197.064.028</b>
Phải trả dài hạn khác	22.900.071.431	45.197.064.028
<b>Tổng</b>	<b>35.017.104.153</b>	<b>52.018.933.740</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THÀNH AN 96**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.13 Vay và nợ thuê tài chính**Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		Phát sinh trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	khả năng trả nợ
<b>Vay</b>		<b>Số có</b>				<b>Số có</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>142.569.443.189</b>	<b>142.569.443.189</b>	<b>849.266.788.853</b>	<b>760.234.606.917</b>	<b>53.537.261.253</b>	<b>53.537.261.253</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	95.918.993.172	95.918.993.172	656.406.422.835	514.024.690.916	53.537.261.253	53.537.261.253
Ngân hàng TMCP Quân Đội	46.650.450.017	46.650.450.017	192.860.366.018	146.209.916.001	-	-
<b>Vay dài hạn</b>	<b>6.621.000.000</b>	<b>6.621.000.000</b>	<b>7.219.000.000</b>	<b>598.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	6.621.000.000	6.621.000.000	7.219.000.000	598.000.000	-	-
<b>Tổng</b>	<b>149.190.443.189</b>	<b>149.190.443.189</b>	<b>856.485.788.853</b>	<b>760.832.606.917</b>	<b>53.537.261.253</b>	<b>53.537.261.253</b>

Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTDHM/NHCT486-TA96 ngày 01/11/2016 nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, hạn mức tín dụng không vượt quá 300 tỷ tại mọi thời điểm (bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HĐTDHT/NHCT486-TA9 ngày 10/10/2015). Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 01/11/2017. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,5% và được điều chỉnh 01 tháng/lần.

Vay Ngân hàng TMCP Quân đội tại TP Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng số 84-4.16.301.50099.TD ngày 18/03/2016 nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, hạn mức tín dụng không vượt quá 200 tỷ tại mọi thời điểm. Bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh theo Hợp đồng tín dụng số 122.15.301.50099.TD ngày 01/4/2015). Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/01/2017. Văn bản gia hạn đến ngày 30/4/2017 ngày 23/01/2017.

Hợp đồng tín dụng số 02/2016-HĐTD/NHCT486-TA96 ngày 15/7/2016 vay vốn dài hạn cho khoản vay: 1.779.000.000, thời hạn cho vay 36 tháng vay đầu tư máy móc thiết bị thi công công trình.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THÀNH AN 96**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.14 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2015</b>	<b>51.158.000.000</b>	<b>18.047.727.068</b>	<b>-</b>	<b>69.205.727.068</b>
Tăng vốn	30.693.650.000	-	-	30.693.650.000
Lãi trong năm	-	-	33.328.928.311	33.328.928.311
Trích lập các quỹ	-	8.332.232.078	(12.866.015.811)	(4.533.783.733)
Giảm khác	-	(17.904.690.000)	-	(17.904.690.000)
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>31.851.650.000</b>	<b>8.475.269.146</b>	<b>20.462.912.500</b>	<b>110.789.831.646</b>
<b>Số dư tại 01/01/2016</b>	<b>31.851.650.000</b>	<b>8.475.269.146</b>	<b>20.462.912.500</b>	<b>110.789.831.646</b>
Tăng vốn	28.646.450.000	(8.184.040.000)	(20.462.410.000)	-
Lãi trong năm nay	-	-	41.690.473.544	41.690.473.544
Trích lập các quỹ	-	8.338.195.209	(14.066.451.044)	(5.728.255.835)
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>110.498.100.000</b>	<b>8.629.424.355</b>	<b>27.624.525.000</b>	<b>146.752.049.355</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÀNH AN 96**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tổng Công ty Thành An - Công ty TNHH MTV	56.355.640.000	41.744.920.000
Các Cổ đông khác	54.142.460.000	40.106.730.000
<b>Tổng</b>	<b>110.498.100.000</b>	<b>81.851.650.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	81.851.650.000	51.158.000.000
Vốn góp tăng trong năm	28.646.450.000	30.693.650.000
Vốn góp tại cuối năm	110.498.100.000	81.851.650.000
Cổ tức đã chia	-	-
Phân phối các quỹ	14.066.451.044	12.866.015.811

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>11.049.810</b>	<b>8.185.165</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>11.049.810</b>	<b>8.185.165</b>
Cổ phiếu phổ thông	11.049.810	8.185.165
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>11.049.810</b>	<b>8.185.165</b>
Cổ phiếu phổ thông	11.049.810	8.185.165
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.15 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	2.695.786.414.191	2.341.127.557.500
Doanh thu hoạt động khác	207.033.000	505.830.908
<b>Tổng</b>	<b>2.695.993.447.191</b>	<b>2.341.633.388.408</b>

**5.16 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn xây lắp	2.537.658.675.097	2.216.719.625.201
Giá vốn hoạt động khác	207.033.000	420.144.345
<b>Tổng</b>	<b>2.537.865.708.097</b>	<b>2.217.139.769.546</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÀNH AN 96**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.17 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.738.861.069	636.324.110
<b>Tổng</b>	<b>2.738.861.069</b>	<b>636.324.110</b>

**5.18 Chi phí tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	7.170.671.485	9.804.407.634
<b>Tổng</b>	<b>7.170.671.485</b>	<b>9.804.407.634</b>

**5.19 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý tài sản cố định	-	1.142.153.440
Cho thuê mặt bằng, thiết bị	4.235.831.006	2.920.808.030
Cho thuê thiết bị mỏ đá	-	1.272.378.733
Thu nhập khác	21.420.000	240.540.000
<b>Tổng</b>	<b>4.257.251.006</b>	<b>5.575.880.203</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Phân bổ chi phí mỏ đá suối Mơ	-	940.583.875
Tiền thuê đất, chi phí thiết bị cho thuê	1.388.523.213	1.236.794.256
Chi phí khác	-	350.495.184
<b>Tổng</b>	<b>1.388.523.213</b>	<b>2.527.873.315</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>2.868.727.793</b>	<b>3.048.006.888</b>

**5.20 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.453.505.523.733	1.278.077.310.148
Chi phí nhân công	516.088.667.240	416.775.441.643
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43.740.634.618	35.447.382.409
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.237.652.389	8.356.551.975
Chi phí khác bằng tiền	34.136.482.662	32.323.867.507
Chi phí máy thi công	491.011.433.663	384.189.565.395
Chi phí nhân viên quản lý	33.337.605.719	31.980.935.257
Chi phí sản xuất chung	186.694.795.760	105.497.640.216
<b>Tổng</b>	<b>2.767.752.795.784</b>	<b>2.292.648.694.550</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÀNH AN 96**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.21 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>52.113.091.930</b>	<b>42.864.617.222</b>
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	-	-
<i>Chi phí không hợp lý</i>	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>52.113.091.930</b>	<b>42.864.617.222</b>
Thuế TNDN phải nộp	10.422.618.386	9.430.215.789
Điều chỉnh thuế của năm trước	-	105.473.122
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>10.422.618.386</b>	<b>9.535.688.911</b>

**5.22 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>41.690.473.544</b>	<b>33.328.928.311</b>
Các khoản điều chỉnh	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	5.728.255.835	4.533.783.733
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>35.962.217.709</b>	<b>28.795.144.578</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	10.077.899	6.394.652
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>3.568</b>	<b>4.503</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Thông tin về các bên liên quan**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
HDQT và BKS	Thù lao	42.837.491	42.905.472
Ban Giám đốc và HDQT	Thu nhập	4.098.296.118	2.519.584.269

**Số dư với các bên có liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Các khoản phải thu</b>			
Tổng Công ty Thành An	Công ty Mẹ	14.247.060.642	-

**6.2 Báo cáo bộ phận**

Hoạt động chính của Công ty là thi công xây lắp các công trình trên phạm vi cả nước, không phân biệt khu vực, không có bộ phận cung cấp dịch vụ chuyên trách, riêng biệt. Vì vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

**6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi số	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	245.041.166.771	121.643.027.583
Phải thu khách hàng và phải thu khác	786.251.092.054	700.739.679.093
<b>Tổng</b>	<b>1.031.292.258.825</b>	<b>822.382.706.676</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	149.190.443.189	53.537.261.253
Phải trả người bán và phải trả khác	506.365.700.761	492.701.172.283
<b>Tổng</b>	<b>655.556.143.950</b>	<b>546.238.433.536</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Rủi ro thị trường**

Công ty dùng nguồn tiền của Chủ đầu tư trả thi công công trình nên ít phải vay vốn. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không có rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty ít chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết do khoản vay hoạt động của Công ty không nhiều.

**6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kế toán, Công ty không có khoản rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>31/12/2016</b>			
Các khoản vay	142.569.443.189	6.621.000.000	149.190.443.189
Phải trả người bán và phải trả khác	483.465.629.330	22.900.071.431	506.365.700.761
	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>01/01/2016</b>			
Các khoản vay	53.537.261.253	-	53.537.261.253
Phải trả người bán và phải trả khác	447.504.108.255	45.197.064.028	492.701.172.283

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>31/12/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	245.041.166.771	-	245.041.166.771
Phải thu khách hàng và phải thu khác	786.251.092.054	-	786.251.092.054
	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>01/01/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	121.643.027.583	-	121.643.027.583
Phải thu khách hàng và phải thu khác	700.739.679.093	-	700.739.679.093

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THÀNH AN 96**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.4 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là thông tin trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán.

Công ty đã trình bày lại nội dung thu nhập khác và chi phí khác trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 sau khi bù trừ theo giá trị thuần của hoạt động thanh lý tài sản như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 (theo báo cáo kiểm toán năm 2015)			Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 (theo báo cáo kiểm toán năm 2016)		
Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm VND	Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu kỳ VND
Thu nhập khác	31	6.527.872.217	Thu nhập khác	31	5.575.880.203
Chi phí khác	32	3.479.865.329	Chi phí khác	32	2.527.873.315
Lợi nhuận khác	40	3.048.006.888	Lợi nhuận khác	40	3.048.006.888

Người lập

Kế toán trưởng

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 3 năm 2017

Giám đốc





Trần Thị Diệu Thúy

Trịnh Thị Thu Hương

Hoàng Đức Trúc



**TỔNG CÔNG TY THÀNH AN  
CÔNG TY CPXL THÀNH AN 96**

Số: 137 /CV - CT96

"V/v giải trình lý do chênh lệch tăng LNST trên  
10% BCTC đã kiểm toán năm 2016 so với năm  
2015"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2017

**Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;**

Theo thông tư 155/2015/TT-BTC Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016 có biến động tăng trên 10% so với năm 2015. ( Số liệu báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016). Công ty cổ phần xây lắp Thành An 96 xin giải trình như sau:

Trong năm 2016, các đơn vị trực thuộc Công ty chủ động sản xuất kinh doanh, tìm kiếm việc làm, không ngừng cố gắng, khắc phục mọi khó khăn hoàn thành vượt kế hoạch trên. Doanh thu năm 2016 tăng 15% so với năm 2015. Giá vốn hàng bán cũng tăng tương ứng 15% so với doanh thu. Doanh thu hoạt động tài chính tăng 2.102 triệu đồng. Chi phí tài chính giảm 2.634 triệu đồng. Lợi nhuận khác giảm không đáng kể 180 triệu đồng. Dẫn đến tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 21%, lợi nhuận sau thuế tăng 25%.

Vậy công ty xin giải trình để Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Hà Nội và các nhà đầu tư được biết.

*Trân trọng!*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TC



**GIÁM ĐỐC  
HOÀNG ĐỨC TRÚC**